

Số: 526/QĐ-THPT

Mường Nhà, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2025
của Trường THPT Mường Nhà**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1575/QĐ-SGDĐT ngày 14/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2025 của trường THPT Mường Nhà (biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà) kế toán và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Chu Công Diễn

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính

Đơn vị: Trường THPT Mường Nhà

Chương: 422



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 526/QĐ-THPT ngày 14/11/2025 của trường THPT Mường Nhà)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.588.850
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.588.850
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.588.850
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.445.930
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.142.920
	Trong đó:	
	Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024/NĐ-CP	335.070
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	45.000
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	514.050
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	3.038.000
	Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT	20.000
	Lao động hợp đồng chuyên môn	62.480
	Phần mềm quản lý lương	15.000
	Phần mềm quản lý ngân sách	15.000
	Bổ sung kinh phí tổ chức Hội đồng coi chấm thi, HDPĐ...	29.000
	Tăng giờ năm học 2024-2025	69.320
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
...	...	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	



Đơn vị: Trường THPT Mường Nhà
Chương: 422

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 526/QĐ-THPT ngày 14 tháng 11 năm 2025 của trường THPT Mường Nhà)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
1	2	3	4	5		6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		12.803.000	98.320	312.470	12.588.850
1	Chi sự nghiệp giáo dục		12.803.000	98.320	312.470	12.588.850
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		8.612.930		167.000	8.445.930
	Trong đó: đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương		106.000			106.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		4.190.070	98.320	145.470	4.142.920
	Trong đó:					
	Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024/ND-CP		335.070			335.070
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/ND-CP		45.000			45.000
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/ND-CP		524.000		9.950	514.050
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/ND-CP		3.038.000			3.038.000
	Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT		20.000			20.000
	Lao động hợp đồng chuyên môn		198.000		135.520	62.480
	Phần mềm quản lý lương		15.000			15.000
	Phần mềm quản lý ngân sách		15.000			15.000
	Bổ sung kinh phí tổ chức Hội đồng coi chấm thi, HDPĐ...			29.000		29.000
	Tăng giờ năm học 2024-2025			69.320		69.320